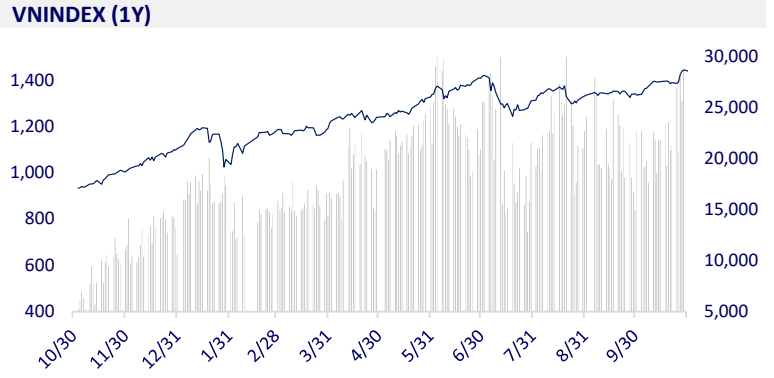
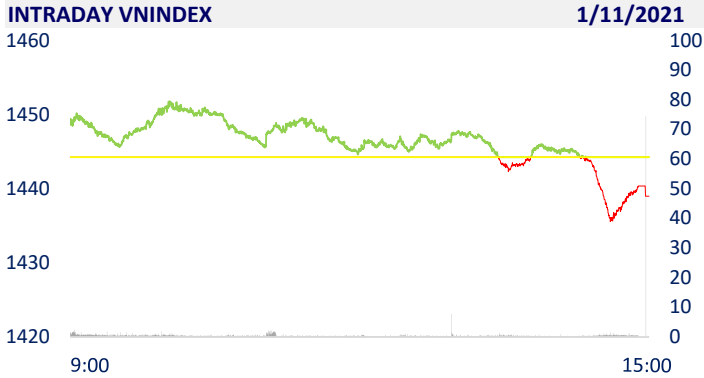
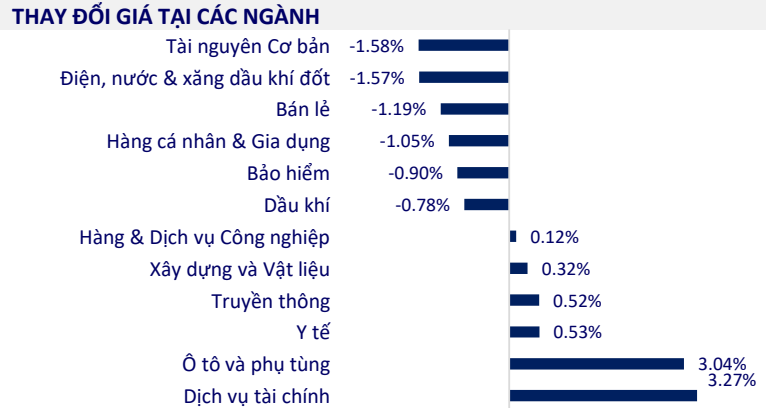


TTCK VIỆT NAM		1D	YTD
VN-INDEX	1,438.97	-0.37%	30.88%
VN30	1,516.75	-1.02%	43.31%
HNX	415.54	0.83%	110.83%
UPCOM	105.95	0.54%	43.51%
GT mua ròng NĐTNN (tỷ)	-1,284.74		
Tổng GTGD (tỷ)	40,384.52	15.82%	135.44%

- Khối ngoại sau 3 phiên liên tiếp trở lại mua ròng trên HoSE đã quay đầu bán ròng trong phiên giao dịch hôm nay, giá trị bán ròng ghi nhận tỷ đồng. Theo đó, lực bán trở lại với HPG, bên cạnh NLG, SSI, MSN hay VNM cũng bị bán ròng mạnh trên 100 tỷ đồng. Ngược lại, ba cổ phiếu ngân hàng là CTG, STB và VCB được nhà đầu tư ngoại rót ròng nhiều nhất trong phiên.



ETF & PHÁI SINH		1D	YTD
E1VFN30	25,690	-0.08%	36.65%
FUEMAV30	17,900	-0.89%	42.86%
FUESSV30	18,810	5.61%	41.43%
FUESSV50	22,500	-0.40%	42.41%
FUESSVFL	20,500	0.49%	50.18%
FUEVFVND	27,500	-0.79%	59.88%
FUEVN100	19,200	-0.67%	37.63%
VN30F2110	1,489.00	0.00%	
VN30F2111	1,522.70	-0.72%	
VN30F2112	1,520.50	-0.86%	
VN30F2203	1,519.70	-0.60%	



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI		1D	YTD
Nikkei	29,647.08	0.35%	8.03%
Shanghai	3,544.48	-0.08%	3.81%
Kospi	2,978.94	0.28%	3.67%
Hang Seng	25,154.32	0.26%	-7.34%
STI (Singapore)	3,219.05	0.65%	12.19%
SET (Thái Lan)	1,613.78	-0.59%	11.35%
Dầu thô (\$/thùng)	83.92	0.78%	73.75%
Vàng (\$/ounce)	1,787.75	0.15%	-6.09%

- Trung Quốc công bố PMI, chứng khoán châu Á trái chiều. Tại Nhật Bản, Nikkei 225 tăng 0,35%. Thị trường Trung Quốc trái chiều với Shanghai Composite giảm 0,08%, Shenzhen Component tăng 0,174%. Hang Seng của Hong Kong tăng 0,26%. Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) chính thức của lĩnh vực sản xuất Trung Quốc trong tháng 10 đạt 49,2 điểm. Đây là tháng thứ hai liên tiếp sản xuất của Trung Quốc suy giảm, sau PMI chính thức tháng 9 đạt 49,6 điểm.

KINH TẾ VĨ MÔ		1D (bps)	YTD (bps)
Lãi suất liên NH	0.61%	0	48
Lãi suất tiết kiệm 12T	5.60%	0	-20
TPCP - 5 năm	0.98%	0	-24
TPCP - 10 năm	1.98%	2	-5
USD/VND	22,845	-0.02%	-1.44%
EUR/VND	26,755	0.08%	-8.07%
CNY/VND	3,626	0.11%	1.48%

- PMI tháng 10 đạt 52.1 điểm, các điều kiện kinh doanh cải thiện. Việc nới lỏng các hạn chế do Covid-19 đã giúp một số công ty tái khởi động sản xuất trong tháng 10, trong khi những công ty khác tăng sản lượng để đáp ứng số lượng đơn đặt hàng mới tăng. Kết quả là, sản lượng tăng lần đầu tiên trong 5 tháng.

**LỊCH SỰ KIỆN**

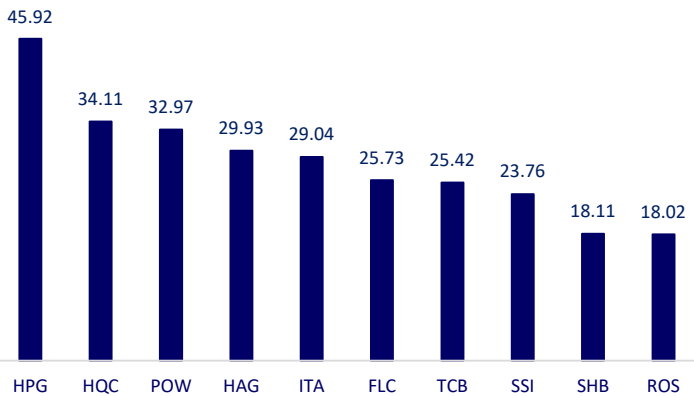
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Loại	Tỉ lệ	Giá trị
MTV	11/1/2021	11/2/2021	11/25/2021	Tiền mặt		1,000
BTD	11/1/2021	11/2/2021	11/25/2021	Tiền mặt		4,000
NBB	11/2/2021	11/3/2021		Cổ phiếu	40%	
NTP	11/4/2021	11/5/2021	11/24/2021	Tiền mặt		1,500
PSE	11/4/2021	11/5/2021	11/25/2021	Tiền mặt		700
NTP	11/4/2021	11/5/2021	11/24/2021	Tiền mặt		1,500
PC1	11/4/2021	11/5/2021		Cổ phiếu	20%	
BHP	11/5/2021	11/8/2021	11/19/2021	Tiền mặt		250
TRC	11/8/2021	11/9/2021	11/26/2021	Tiền mặt		900
IDC	11/9/2021	11/10/2021	11/25/2021	Tiền mặt		2,400

## TIN TỨC CHỌN LỌC

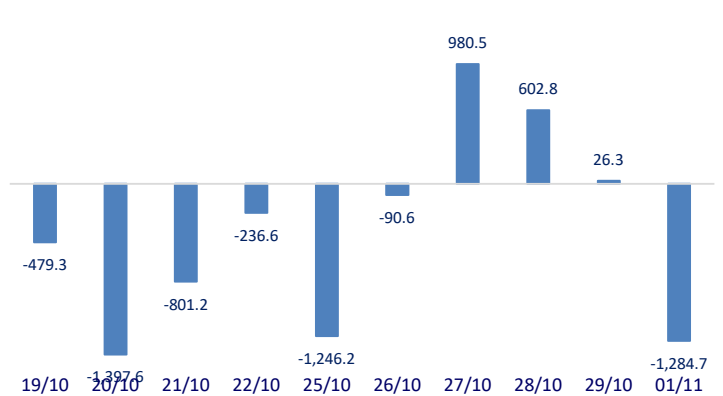
- Sẵn sàng cho mở cửa hàng không quốc tế
- Đường nhập khẩu ồ ạt tràn vào Việt Nam
- PMI tháng 10 đạt 52.1 điểm, các điều kiện kinh doanh cải thiện
- Hoạt động sản xuất khu vực châu Á khôi phục trong tháng 10
- Tình thế 'tiến thoái lưỡng nan' của ngân hàng trung ương châu Âu
- Mỹ cùng các nước tiêu thụ dầu gia tăng sức ép để OPEC+ tăng sản lượng

	Đóng cửa	1D	5D	KL mua	KL bán	Nội dung
VCB	97,000	-1.02%	3.08%	4,896,100	1,884,100	- BID: ghi nhận thu nhập lãi thuần đạt 12.204 tỷ đồng, tăng 33,5%, chủ yếu do ngân hàng giảm 11,5% chi phí lãi. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 1.594 tỷ đồng, tăng gần 17%. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt 457 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ. Ở chiều ngược lại, mua bán chứng khoán kinh doanh lỗ 2,4 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lãi 58 tỷ đồng. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư cũng giảm 50% xuống 151 tỷ đồng. Lãi thuần từ hoạt động khác thấp hơn 20%, ở mức 794 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước.
BID	41,800	0.72%	6.63%	4,655,000	5,812,900	
CTG	32,200	2.22%	7.69%	29,211,700	29,495,200	
TCB	51,600	0.00%	1.38%	37,944,300	39,605,400	
VPB	37,550	-1.31%	1.49%	8,936,800	12,893,700	
MBB	28,400	-0.35%	2.90%	17,187,300	23,049,800	
HDB	25,300	0.20%	3.27%	5,230,900	6,092,700	
TPB	43,400	-3.23%	3.33%	4,159,600	6,128,400	
STB	26,600	0.00%	3.91%	35,816,500	30,945,200	
ACB	32,700	-0.91%	4.64%	8,551,500	11,268,900	
NVL	109,600	0.27%	5.59%	5,043,800	5,020,100	- NVL: ghi nhận tổng doanh thu hợp nhất 9 tháng bao gồm doanh thu từ bán hàng và thu phí cung cấp dịch vụ đạt gần 10.362 tỷ đồng, tăng gần 159% so với cùng kỳ năm 2020.
KDH	49,000	-3.92%	5.15%	7,997,600	8,922,900	- POW: Chào giá điện thị trường hiệu quả đưa lãi gộp tăng cao, LNST Quý 3/2021 cao gấp 4 lần cùng kỳ với 630 tỷ đồng
PDR	93,100	-3.02%	-5.00%	4,340,800	4,990,700	
GAS	121,300	-2.57%	8.30%	3,029,000	3,145,100	
POW	13,100	3.56%	6.94%	53,985,200	60,142,200	
PLX	53,900	-0.37%	-0.37%	3,223,600	3,090,500	- VIC: vừa công bố BCTC hợp nhất quý 3 với lãi trước thuế gần 3,315 tỷ đồng, giảm 8% so với cùng kỳ. Lãi ròng 9 tháng đạt gần 3,193 tỷ đồng, giảm 21% so với cùng kỳ.
VIC	95,800	0.00%	4.02%	3,038,100	3,692,500	
VHM	84,300	-1.40%	7.39%	16,337,900	18,084,500	
VRE	31,150	-0.16%	2.47%	13,659,400	16,208,700	
VNM	90,000	-0.77%	-0.11%	10,583,500	8,435,400	- VNM: Doanh thu quý III tăng cùng tiết giảm nhiều chi phí nhưng lợi nhuận tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm trước. Biên lợi nhuận quý III đạt 42,9% - mức thấp nhất trong vòng 4 năm.
MSN	145,500	-3.58%	3.63%	2,675,100	2,713,000	- GVR báo lãi ròng quý 3 tăng 26% dù doanh thu gần như đi ngang. Trong bối cảnh giá bán mủ cao su cao hơn cùng kỳ, doanh thu từ mảng kinh doanh này của GVR trong quý 3 tăng hơn 6%. Ngược lại, mảng kinh doanh đóng góp doanh thu lớn thứ 2 là chế biến gỗ giảm hơn 34% doanh thu. Kết quả, doanh thu thuần của GVR gần như đi ngang so với quý 3 năm trước, ở mức hơn 6,151 tỷ đồng.
SAB	162,000	0.93%	3.38%	308,900	325,700	
BVH	130,000	-1.52%	-1.37%	1,081,500	1,491,700	
VJC	130,000	-1.52%	-1.37%	1,081,500	1,491,700	
FPT	95,800	-1.14%	0.95%	4,860,900	4,762,400	
MWG	130,000	-1.07%	1.25%	1,820,100	2,021,400	
PNJ	101,100	-2.79%	2.02%	866,000	1,152,000	
GVR	39,350	-1.13%	0.13%	8,323,600	9,639,600	
SSI	41,400	2.22%	8.09%	35,201,600	41,129,700	
HPG	55,700	-2.45%	1.09%	66,122,200	63,979,800	

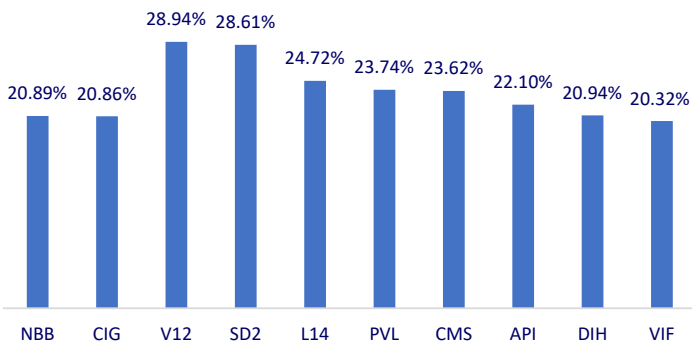
Top CP giao dịch nhiều nhất (khối lượng CP - triệu)



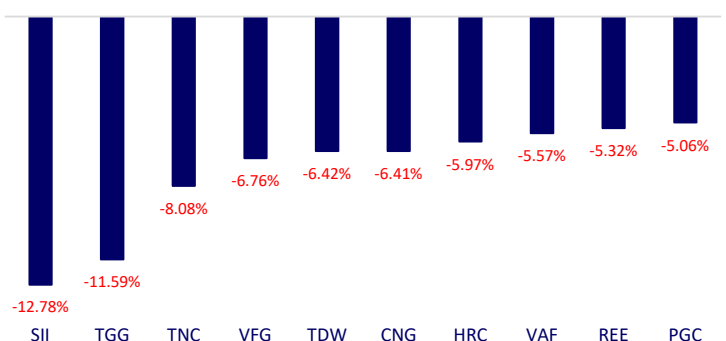
Dòng tiền NĐTNN 10 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top tăng 3 phiên liên tiếp

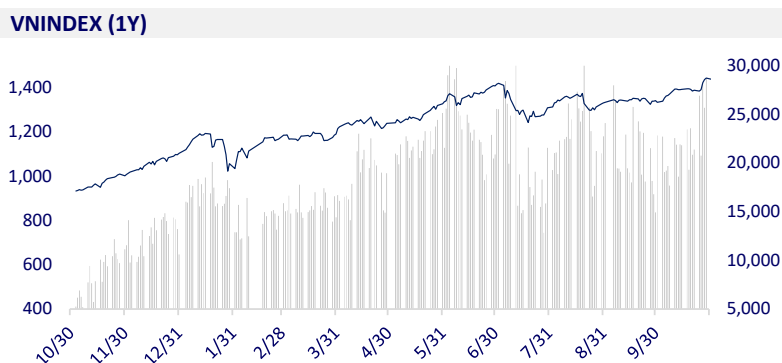
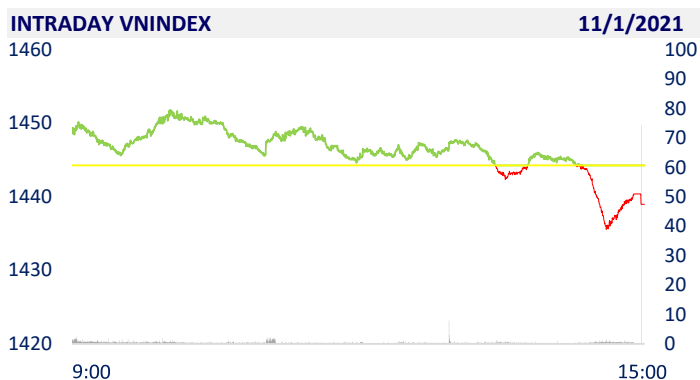


Top giảm 3 phiên liên tiếp

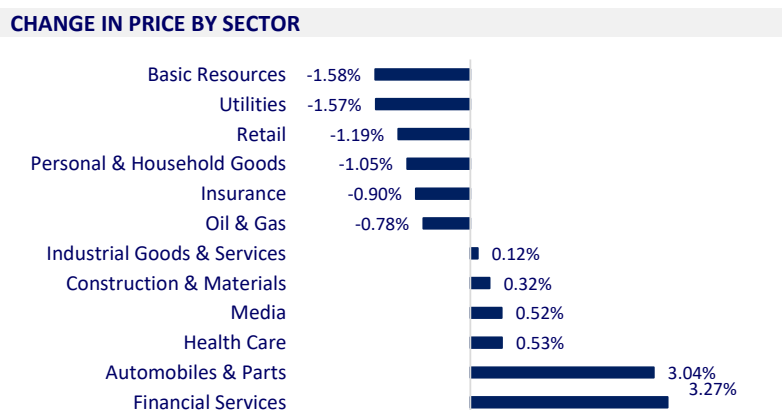


VIETNAM STOCK MARKET		1D	YTD
VN-INDEX	1,438.97	-0.37%	30.88%
VN30	1,516.75	-1.02%	43.31%
HNX	415.54	0.83%	110.83%
UPCOM	105.95	0.54%	43.51%
Net Foreign buy (B)	-1,284.74		
Total trading value (B)	40,384.52	15.82%	135.44%

- After 3 consecutive sessions, foreign investors turned to be net buyers on HoSE and turned to be net sellers today, with a net selling value of billion dong. Accordingly, selling pressure returned to HPG, besides NLG, SSI, MSN or VNM, they were also sold strongly at over 100 billion dong. On the contrary, three banking tickers, CTG, STB and VCB, saw the most net pouring of foreign investors in the session



ETF & DERIVATIVES		1D	YTD
E1VFN30	25,690	-0.08%	36.65%
FUEMAV30	17,900	-0.89%	42.86%
FUESSV30	18,810	5.61%	41.43%
FUESSV50	22,500	-0.40%	42.41%
FUESSVFL	20,500	0.49%	50.18%
FUEVFVND	27,500	-0.79%	59.88%
FUEVN100	19,200	-0.67%	37.63%
VN30F2110	1,489.00	0.00%	
VN30F2111	1,522.70	-0.72%	
VN30F2112	1,520.50	-0.86%	
VN30F2203	1,519.70	-0.60%	



GLOBAL MARKET		1D	YTD
Nikkei	29,647.08	0.35%	8.03%
Shanghai	3,544.48	-0.08%	3.81%
Kospi	2,978.94	0.28%	3.67%
Hang Seng	25,154.32	0.26%	-7.34%
STI (Singapore)	3,219.05	0.65%	12.19%
SET (Thái Lan)	1,613.78	-0.59%	11.35%
Crude oil (\$/barrel)	83.92	0.78%	73.75%
Gold (\$/ounce)	1,787.75	0.15%	-6.09%

- China releases PMI, Asian stocks mixed. In Japan, the Nikkei 225 gained 0.35%. The Chinese market was mixed with Shanghai Composite down 0.08%, Shenzhen Component up 0.174%. Hong Kong's Hang Seng rose 0.26%. The official Purchasing Managers' Index (PMI) of China's manufacturing sector in October reached 49.2 points. This is the second consecutive month that China's production has declined, after the official PMI in September reached 49.6 points.

VIETNAM ECONOMY		1D (bps)	YTD (bps)
Vnibor	0.61%	0	48
Deposit interest 12M	5.60%	0	-20
5 year-Gov. Bond	0.98%	0	-24
10 year-Gov. Bond	1.98%	2	-5
USD/VND	22,845	0	-1.44%
EUR/VND	26,755	0	-8.07%
CNY/VND	3,626	0	1.48%

- PMI in October reached 52.1 points, business conditions improved. The easing of restrictions due to Covid-19 helped some companies restart production in October, while others increased output to meet increased new orders. As a result, output increased for the first time in five months.

**EVENT CALENDER**

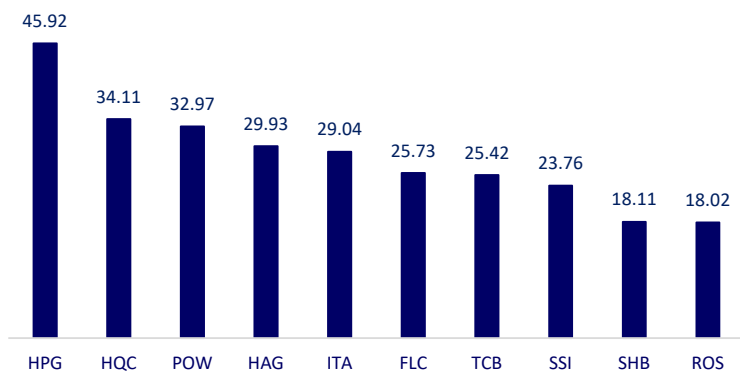
Ticker	Ex-right Date	Last register Date	Exercise Date	Type	Rate	Value
MTV	11/1/2021	11/2/2021	11/25/2021	Cash		1,000
BTD	11/1/2021	11/2/2021	11/25/2021	Cash		4,000
NBB	11/2/2021	11/3/2021		Stock	40%	
NTP	11/4/2021	11/5/2021	11/24/2021	Cash		1,500
PSE	11/4/2021	11/5/2021	11/25/2021	Cash		700
NTP	11/4/2021	11/5/2021	11/24/2021	Cash		1,500
PC1	11/4/2021	11/5/2021		Stock	20%	
BHP	11/5/2021	11/8/2021	11/19/2021	Cash		250
TRC	11/8/2021	11/9/2021	11/26/2021	Cash		900
IDC	11/9/2021	11/10/2021	11/25/2021	Cash		2,400

## SELECTED NEWS

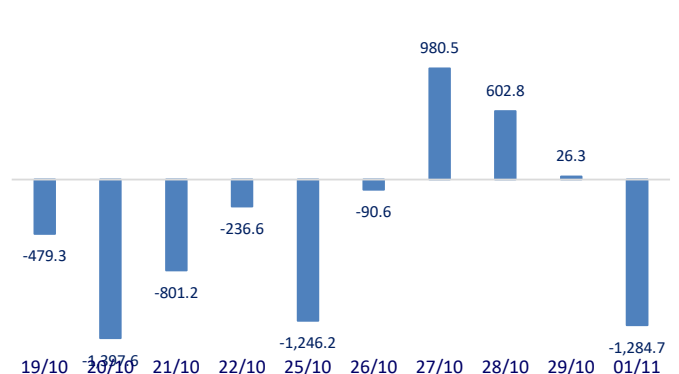
- Ready to open international flight
- Imported sugar flooded into Vietnam
- October PMI reached 52.1 points, business conditions improved
- Manufacturing activity in Asia recovered in October
- The 'dilemma' of the European central bank
- The US and other oil consuming countries increase pressure for OPEC + to increase production

	Close	1D	5D	Buying vol.	Selling vol.	Content
VCB	97,000	-1.02%	3.08%	4,896,100	1,884,100	- BID: recorded net interest income of 12,204 billion dong, up 33.5%, mainly because the bank reduced interest expense by 11.5%. Net profit from service activities reached VND 1,594 billion, up nearly 17%. Net profit from foreign exchange business reached VND 457 billion, up 4% over the same period. In the opposite direction, trading in securities lost 2.4 billion dong while the same period gained 58 billion dong. Net profit from trading investment securities also decreased by 50% to 151 billion dong. Net profit from other activities was 20% lower, at VND 794 billion, compared to the same period last year.
BID	41,800	0.72%	6.63%	4,655,000	5,812,900	
CTG	32,200	2.22%	7.69%	29,211,700	29,495,200	
TCB	51,600	0.00%	1.38%	37,944,300	39,605,400	
VPB	37,550	-1.31%	1.49%	8,936,800	12,893,700	
MBB	28,400	-0.35%	2.90%	17,187,300	23,049,800	
HDB	25,300	0.20%	3.27%	5,230,900	6,092,700	
TPB	43,400	-3.23%	3.33%	4,159,600	6,128,400	
STB	26,600	0.00%	3.91%	35,816,500	30,945,200	
ACB	32,700	-0.91%	4.64%	8,551,500	11,268,900	
NVL	109,600	0.27%	5.59%	5,043,800	5,020,100	- NVL: total consolidated revenue of 9 months reached nearly VND 10,362 billion, an increase of nearly 159% over the same period in 2020.
KDH	49,000	-3.92%	5.15%	7,997,600	8,922,900	
PDR	93,100	-3.02%	-5.00%	4,340,800	4,990,700	
GAS	121,300	-2.57%	8.30%	3,029,000	3,145,100	- POW: Effective market offer of electricity brought high gross profit, Q3/2021 NPAT was 4 times higher than the same period last year with 630 billion dong
POW	13,100	3.56%	6.94%	53,985,200	60,142,200	
PLX	53,900	-0.37%	-0.37%	3,223,600	3,090,500	
VIC	95,800	0.00%	4.02%	3,038,100	3,692,500	- VIC: Q3 consolidated financial statements with pre-tax profit of nearly VND3,315 billion, down 8% over the same period. Net profit reached nearly 3,193 billion dong, down 21%.
VHM	84,300	-1.40%	7.39%	16,337,900	18,084,500	
VRE	31,150	-0.16%	2.47%	13,659,400	16,208,700	
VNM	90,000	-0.77%	-0.11%	10,583,500	8,435,400	- VNM: Revenue in Q3.2021 increased and many expenses were reduced, but profit continued to decrease over to the same period last year. Q3 profit margin reached 42.9% - the lowest level in 4y.
MSN	145,500	-3.58%	3.63%	2,675,100	2,713,000	
SAB	162,000	0.93%	3.38%	308,900	325,700	
BVH	130,000	-1.52%	-1.37%	1,081,500	1,491,700	- GVR reported a 26% increase in Q3 net profit even though revenue was mostly flat. In the context of higher selling price of rubber in the same period last year, revenue from this business segment of GVR in the third quarter increased by more than 6%. In contrast, the second largest revenue contributor is wood processing, which decreased by more than 34% in revenue. As a result, GVR's net revenue was almost flat compared to the third quarter of the previous year, at more than VND 6,151 billion.
VJC	130,000	-1.52%	-1.37%	1,081,500	1,491,700	
FPT	95,800	-1.14%	0.95%	4,860,900	4,762,400	
MWG	130,000	-1.07%	1.25%	1,820,100	2,021,400	
PNJ	101,100	-2.79%	2.02%	866,000	1,152,000	
GVR	39,350	-1.13%	0.13%	8,323,600	9,639,600	
SSI	41,400	2.22%	8.09%	35,201,600	41,129,700	
HPG	55,700	-2.45%	1.09%	66,122,200	63,979,800	

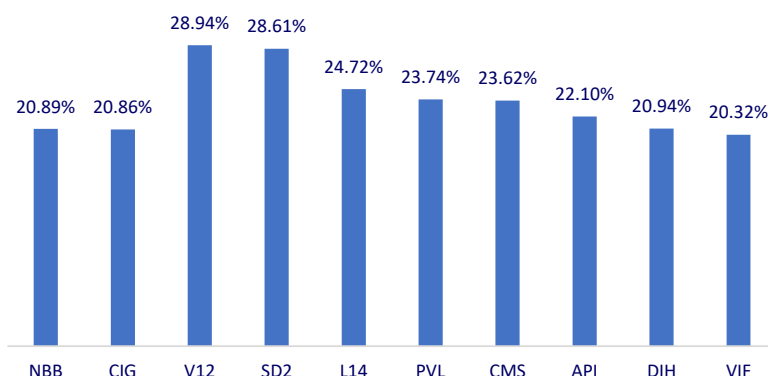
Top most traded tickers (Volume - in million)



Foreign net flow 10 nearest sessions (Billion VND)



Top increases in 3 consecutive sessions



Top decreases in 3 consecutive sessions

